

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 26
H: 3

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Thị Thanh
Thủy Văn
Nguyễn Thị Thanh
Thủy Văn

C.Loan

Môn học: Anh văn cơ bản (22410304)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Nguyễn Thanh Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170601	Ngư Thành An	10/10/2004	CCQ2217O	492	Thư	7,1	4.0	5.2	
2	2122170457	Nguyễn Gia Bảo	22/11/2004	CCQ2217F			4,1			
3	2122110470	Nguyễn Thị Kim Chi	06/08/2004	CCQ2211L	251	Chi	8,7	6.3	7.3	
4	2122170448	Phạm Văn Đại	18/04/2004	CCQ2217L	174	Đại	8,2	4.2	5.8	
5	2122140047	Văn Bá Đăng	11/04/2004	CCQ2214B	492	Đăng	6,5	4.2	5.1	
6	2122170281	Phan Trần Thái Đạt	20/04/2002	CCQ2217G	320	Đạt	7,2	5.1	5.9	
7	2122170335	Nguyễn Tấn Đức	04/06/2004	CCQ2217I	251	Đức	8,2	5.0	6.3	
8	2122030217	Nguyễn Văn Hưng	25/03/2004	CCQ2203F	174	Hưng	7,9	4.7	6.0	
9	2122050059	Phan Trọng Hữu	23/03/2004	CCQ2205B	251	Hữu	8,6	5.4	6.7	
10	2122270151	Trịnh Minh Khang	19/09/2004	CCQ2227E	320	Khang	7,8	5.2	6.2	
11	2122110467	Dương Quốc Khánh	02/09/2003	CCQ2211L			5,6			
12	2122110343	Nguyễn Đăng Khoa	05/01/2004	CCQ2211I	174	Khoa	6,9	4.2	5.3	
13	2122170518	Phan Minh Khoa	01/03/2003	CCQ2217M	251	Khoa	5,6	4.0	4.6	
14	2122030223	Phạm Lê Khương	30/05/2003	CCQ2203A	320	Khương	9,2	4.7	6.5	
15	2120200225	Nguyễn Phước Lộc	12/11/2000	CCQ2020G	251	Lộc	7,3	4.9	5.9	
16	2122210026	Nguyễn Thân Kiều My	16/01/2004	CCQ2221A	174	My	8,8	4.4	6.2	
17	2122040017	Võ Quang Nhật	20/07/2004	CCQ2204A			1,9			
18	2122120307	Đỗ Thị Kim Oanh	06/07/2004	CCQ2212I	320	Oanh	9,2	4.8	6.6	
19	2122120286	Dương Thanh Phát	30/07/2004	CCQ2212I	251	Phát	8,3	6.0	6.9	
20	2122260120	Phan Vĩnh Phú	09/07/2004	CCQ2211L	474	Phú	6,2	4.2	5.0	
21	2122100363	Đinh Hoàng Phúc	26/11/2004	CCQ2226E	492	Phúc	8,8	4.9	6.5	
22	2122170416	Phan Đình Quốc	10/07/2004	CCQ2217K			0,5			
23	2122110234	Võ Thanh Sang	19/06/2004	CCQ2211F	492	Sang	5,8	4.4	5.0	
24	2122110210	Lê Chí Tài	01/07/2004	CCQ2211F	174	Tài	5,0	2.8	3.7	
25	2122170211	Nguyễn Duy Thái	20/04/2004	CCQ2217F	251	Thái	8,6	4.3	6.0	
26	2122200089	Nguyễn Hoàng Quốc Thái	31/07/2004	CCQ2220C	320	Thái	5,6	2.7	3.9	
27	2122170181	Phạm Minh Thành	17/02/2004	CCQ2217E			0,2			
28	2122120259	Nguyễn Thị Anh Thư	05/09/2004	CCQ2212H	174	Thư	5,3	6.1	5.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn cơ bản (22410304)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

C. Loan
Trần Thị Thảo
Nguyễn Thanh Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122100304	Võ Thùy Trang	26/07/2004	CCQ2210I	492	Uy	7,1	7.2	7.2	
30	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B	320	Trọng	9,1	3.6	5.8	
31	2122050114	Nguyễn Văn Trường	08/03/2004	CCQ2205B	261	Trường	8,4	3.8	5.6	
32	2118030188	Trần Văn Trường	11/06/2000	CCQ1803C	174	Trường	7,4	9.4	8.6	
33	2122110560	Lý Nam Tùng	20/08/2002	CCQ2211N			0,5			
34	2122110485	Nguyễn Đại Vệ	28/10/2002	CCQ2211L	320	Uy	9,1	5.2	6.8	
35	2122260125	Lê Anh Vũ	03/10/2004	CCQ2226B	41	Uy	9,0	3.4	5.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 15

H: 02

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn cơ bản (22410302)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 17

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122260111	Trần Thành	Đanh	30/04/2004	CCQ2226D		4,1			
2	2122270067	Nguyễn Thị	Diễm	01/07/2004	CCQ2227C	251	7,9	5,0	6,2	
3	2122030072	Nguyễn Quốc	Điền	07/10/2004	CCQ2203C	174	8,6	4,8	6,3	
4	2122200108	Nguyễn Đình	Định	08/03/2003	CCQ2220D	251	7,3	3,6	5,1	
5	2122270091	Phan Ngọc Quỳnh	Giang	12/08/2004	CCQ2227C	174	8,2	5,3	6,5	
6	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004	CCQ2212I	251	6,6	5,3	5,8	
7	2122110195	Phạm Quang	Hà	29/08/2004	CCQ2211E	174	7,7	6,7	7,1	
8	2122260023	Võ Văn	Hải	27/09/2003	CCQ2226A	492	7,3	3,2	4,8	
9	2122040016	Lê Văn	Hiền	27/06/2004	CCQ2204A		0,0			
10	2123210197	Mạc Văn	Hiền	17/06/2005	CCQ2321A		0,0			
11	2121120229	Đặng Văn	Hung	28/01/2001	CCQ2112G	320	9,0	8,8	8,9	
12	2120240192	Lâm Thị	Hương	30/03/2002	CCQ2024G		0,0			
13	2122120375	Hà Trần Quốc	Huy	02/09/2004	CCQ2212K		0,0			
14	2123170659	Nguyễn Quốc	Khánh	23/07/2005	CCQ2317B		0,0			
15	2122120248	Trần Thị	Lài	16/03/2004	CCQ2212H	320	9,0	3,2	5,5	
16	2121260125	Nguyễn Khánh	Linh	24/08/2003	CCQ2126D		0,0			
17	2120050078	Phú Văn	Lương	11/03/2001	CCQ2005C		0,0			
18	2122030204	Nguyễn Trường	Mạnh	19/08/2004	CCQ2203A	492	4,8	6,2	5,6	
19	2122100163	Lê Thị Diễm	My	20/02/2004	CCQ2210E	320	8,1	5,5	6,5	
20	2122110364	Hồ Thị Huỳnh	Nghi	19/05/2004	CCQ2210E	492	7,9	4,2	5,7	
21	2122040046	Trần Chí	Nguyễn	04/09/2004	CCQ2204B		0,0			
22	2122110299	Huỳnh	Nhã	27/09/2004	CCQ2211H	251	8,8	6,7	7,5	
23	2122120318	Nguyễn Văn	Nhân	21/09/2003	CCQ2212J	174	8,4	7,3	7,7	
24	2122200102	Phạm Ngọc Uyên	Nhi	21/06/2004	CCQ2220C	251	4,2	4,7	4,5	
25	2122110580	Dương Đào Huỳnh	Như	02/09/2004	CCQ2211N	174	8,5	6,5	7,3	
26	2122110170	Huỳnh Thanh	Phú	19/01/2004	CCQ2211E	251	7,2	6,3	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 09
R: 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn cơ bản (22410303)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: *10*

Số bài thi: *10*

Số tờ giấy thi: *10*

Nguyễn Trung *Nguyễn H. Tuyền* *Trần Thị Thuận* *Phạm Thị Hòa*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123140122	Nguyễn Hoàng Anh	26/06/2004	CCQ2314A			0,0			
2	2121130047	Phan Nữ Quỳnh Anh	08/06/1990	CCQ2124F			0,0			
3	2122110306	Lê Thành	20/02/2004	CCQ2211H			7,0			
4	2123310050	Ngô Quang	06/06/2005	CCQ2331B			3,7			
5	2122170466	Dương Trung	09/07/2004	CCQ2217L	<i>174</i>	<i>Hai</i>	7,0	<i>8,0</i>	<i>6,4</i>	
6	2122110237	Lê Nhật	29/01/2003	CCQ2211F	<i>492</i>	<i>Hân</i>	5,5	<i>5,7</i>	<i>5,6</i>	
7	2122030165	Đinh Văn	20/07/2004	CCQ2203E	<i>251</i>	<i>Đinh Văn</i>	3,0	<i>4,5</i>	<i>3,9</i>	<i>HL</i>
8	2123310022	Bùi Thị Minh	01/01/2004	CCQ2331A	<i>320</i>	<i>Minh</i>	7,7	<i>7,5</i>	<i>7,6</i>	
9	2119170579	Nguyễn Trung	20/08/2001	CCQ1917Q	<i>492</i>	<i>Trung</i>	7,5	<i>6,1</i>	<i>6,7</i>	
10	2123110544	Nguyễn Ngọc Thiên	19/01/2004	CCQ2311H			0,0			
11	2120030153	Phạm Khang	02/06/2001	CCQ2003E	<i>251</i>	<i>Khang</i>	6,7	<i>6,1</i>	<i>6,3</i>	
12	2123140118	Vũ Quang	19/05/2002	CCQ2314A			0,0			
13	2123310049	Nguyễn Quốc	18/12/2002	CCQ2331B			0,0			
14	2123170384	Lê Quốc	28/11/2005	CCQ2317K			0,0			
15	2123310028	Trần Đình	16/04/2005	CCQ2331A			0,0			
16	2123170375	Huỳnh Anh	13/07/2005	CCQ2317K	<i>174</i>	<i>Anh</i>	8,0	<i>7,4</i>	<i>7,6</i>	
17	2123310054	Nguyễn Minh	04/05/2005	CCQ2331B			0,0			
18	2122030260	Nguyễn Thái Thành	31/07/2001	CCQ2203D			4,7			
19	2123310024	Phan Mỹ	14/01/2005	CCQ2331A	<i>492</i>	<i>Mỹ</i>	7,4	<i>5,1</i>	<i>6,0</i>	
20	2123310034	Lại Đại	26/10/2005	CCQ2331A			0,0			
21	2120200227	Trần Văn	09/06/2002	CCQ2020G	<i>174</i>	<i>Minh</i>	7,0	<i>5,6</i>	<i>6,2</i>	
22	2123310058	Nguyễn Thị Yến	21/10/2004	CCQ2331B			0,0			
23	2123310047	Vũ Văn	26/05/2002	CCQ2331B			0,0			
24	2123310045	Giềng Chí	29/07/2004	CCQ2331B			0,0			
25	2123310044	Nguyễn Hưng	27/04/2005	CCQ2331B	<i>320</i>	<i>Hưng</i>	6,6	<i>6,0</i>	<i>6,2</i>	
26	2123310038	Trần Thanh	01/02/2002	CCQ2331B			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 14
H: 02

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

P. K. Nhung *Loan* *Phuong Thi Hiep* *Tran Thi Thuan*

Môn học: Anh văn cơ bản (22410305)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122060044	Châu Hoài Anh	25/05/2004	CCQ2206B	492	<i>Chau</i>	7,7	6,9	7,2	
2	2120110177	Nguyễn Văn Bắc	26/12/2002	CCQ2011F	174	<i>Bac</i>	7,6	7,6	7,6	
3	2122140018	Đặng Hữu Bằng	13/03/2003	CCQ2214A	251	<i>Bang</i>	5,0	1,8	3,1	
4	2123270174	Trương Quốc Bảo	07/01/2003	CCQ2327E			0,0			
5	2123270177	Nguyễn Dương Công Chương	22/01/2005	CCQ2327E			5,0			
6	2122120461	Trần Mai Hải Đăng	15/07/2004	CCQ2212N	174	<i>Den</i>	6,9	2,4	4,2	
7	2123210193	Nguyễn Trọng Đức	10/04/2004	CCQ2321E			5,0			
8	2122260101	Phạm Minh Đức	01/05/2002	CCQ2226D	320	<i>De</i>	9,1	5,6	7,0	
9	2123180124	Lê Quang Duy	15/12/2005	CCQ2318A	492	<i>Duy</i>	8,5	6,5	7,3	
10	2123110530	Nguyễn Ngọc Duy	20/05/2005	CCQ2327E	174	<i>Duy</i>	9,3	4,5	6,4	
11	2123210194	Huỳnh Thị Cẩm Giang	27/07/2005	CCQ2321E			0,0			
12	2122200010	Đoàn Thị Ngọc Hà	26/04/2003	CCQ2220A	320	<i>Ha</i>	8,4	3,8	5,6	
13	2122060048	Nguyễn Minh Hải	05/05/2004	CCQ2206B	492	<i>Hai</i>	6,5	4,7	5,4	
14	2122120589	Đào Nhật Hào	03/01/2004	CCQ2212P			7,0			
15	2122170664	Bùi Thanh Hậu	24/09/2004	CCQ2217Q			0,0			
16	2123260194	Huỳnh Phúc Hậu	13/10/2004	CCQ2326A			5,0			
17	2122170682	Đặng Ngọc Hiệu	25/05/2004	CCQ2217Q	492	<i>Hieu</i>	6,3	6,1	6,2	
18	2122140051	Đặng Công Hòa	14/03/2004	CCQ2214B	174	<i>Hoa</i>	6,7	5,2	5,8	
19	2122170428	Nguyễn Phi Hưng	23/05/2004	CCQ2217K			0,0			
20	2122040005	Lê Anh Huy	13/07/2004	CCQ2204A	320	<i>Huy</i>	7,0	6,9	6,9	
21	2122110178	Nguyễn Hữu Kha	12/05/2004	CCQ2203B	492	<i>Kha</i>	9,0	7,3	8,0	
22	2123270175	Phan Tuấn Kiệt	25/10/2004	CCQ2327E			0,0			
23	2122270059	Đào Thị Thùy Linh	22/07/2004	CCQ2227B	251	<i>Thuy</i>	9,1	4,3	6,2	
24	2122210009	Trương Thùy Linh	17/02/2004	CCQ2221A	320	<i>Linh</i>	9,1	8,5	8,7	
25	2122170668	Trần Tấn Lợi	18/02/2004	CCQ2217Q	492	<i>Loi</i>	6,4	7,5	7,1	
26	2122220021	Huỳnh Tấn Lực	16/05/2003	CCQ2222A			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 11
H: 00

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

ng
Phan

Nguyễn Thị
Phan Huyền

Phạm Thị Hè

C.Thảo 115

Trần Thị Thảo

Môn học: Anh văn cơ bản (22410305)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 11...

Số bài thi: ...11....

Số tờ giấy thi: 11...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123190122	Đặng Thị Nga	06/03/2001	CCQ2319A			0,0			
2	2122100411	Trần Thị Thu	Nguyệt	24/03/2004	CCQ2210K	320 Nguyệt	7,5	7.1	7.3	
3	2123210195	Nguyễn Thanh	Nhàn	07/07/2004	CCQ2321D		0,0			
4	2123120607	Cao Vô	Ni	06/01/2005	CCQ2312J		0,0			
5	2123180122	Nguyễn Tấn	Phú	07/01/2005	CCQ2318A	251 Phú	9,0	4.8	6.5	
6	2122040021	Nguyễn Văn	Phương	21/12/2004	CCQ2204A		5,7			
7	2123030258	Nguyễn Phú	Quý	18/07/2005	CCQ2303D		0,0			
8	2122170292	Lương Viết	Tài	26/07/2004	CCQ2217H		0,0			
9	2122210133	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/10/2004	CCQ2221D	251 Tâm	8,4	3.7	5.6	
10	2118150068	Nguyễn Phan Duy	Tân	22/09/2000	CCQ1811E	174 Tân	8,6	9.1	8.9	
11	2122170164	Đặng Văn	Thái	02/03/2004	CCQ2217E		5,2			
12	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A		5,0			
13	2122050073	Phan Hữu	Thi	12/12/2004	CCQ2206B	251 Thi	7,5	3.5	5.1	
14	2122110231	Đỗ Đặng Xuân	Thiên	20/11/2004	CCQ2211F	174 Thiên	8,9	7.4	8.0	
15	2122170430	Nguyễn Tấn	Toàn	21/01/2004	CCQ2217K	492 Tấn	7,1	4.2	5.2	
16	2122060050	Trần Nguyễn Ngọc	Trí	10/01/2004	CCQ2206B		7,2			
17	2123100308	Phạm Ngọc Lâm	Tùng	16/09/2004	CCQ2310A		0,0			
18	2122170252	Bùi Thế	Tường	01/09/2004	CCQ2217G	320 Tường	6,0	6.2	6.1	
19	2123270176	Nguyễn Vương Bảo	Uyên	15/09/2005	CCQ2327E		0,0			
20	2122030225	Đặng Quang	Vĩ	06/01/2003	CCQ2203G	174 Vĩ	8,1	4.6	6.0	
21	2123210192	Nguyễn Văn	Vinh	25/01/2005	CCQ2321E	251 Vinh	8,2	7.3	7.7	
22	2122030076	Huỳnh Trung	Vương	04/07/2004	CCQ2203G	320 Vương	9,0	7.0	7.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 08
R: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn cơ bản (22410303)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 08

Số bài thi: 08

Số tờ giấy thi: 08

(Handwritten signatures and stamps)
C. H. L.
N. V. T. (Trần Thị Thảo)
N. V. (Nguyễn Văn...)
Phường (Phường...)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123310019	Đoàn Gia Thiên Phúc	20/08/2004	CCQ2331A			0,0			
2	2123310042	Trần Văn Phúc	15/02/2001	CCQ2331B			0,0			
3	2120190081	Nguyễn Hữu Phước	21/06/2001	CCQ2019C	320		7,0	4,9	5,7	
4	2123310021	Trương Văn Phước	06/01/2005	CCQ2331A			0,0			
5	2123310023	Phạm Thành Phương	19/09/1999	CCQ2331A			0,0			
6	2120110296	Trần Thanh Quang	26/05/2002	CCQ2011I	320	Quang	6,1	6,4	6,3	
7	2123310041	Nguyễn Thái Sang	27/02/2004	CCQ2331B			0,0			
8	2122110519	Nguyễn Chí Tâm	23/09/1999	CCQ2211M	492		7,0	58	6,3	
9	2122050130	Dương Minh Tân	22/12/2004	CCQ2205D	492		7,1	4,0	5,2	
10	2122170483	Lê Nhật Tân	04/02/2004	CCQ2217L	251		6,7	3,9	5,0	
11	2122170591	Ngưu Thanh Tân	14/02/2004	CCQ2217O			2,8			
12	2123290021	Võ Thanh Tân	29/11/2005	CCQ2329A			0,0			
13	2123110529	Phạm Xuân Anh Thành	11/10/2003	CCQ2311G			0,0			
14	2123310029	Đinh Thị Thanh Thảo	09/11/2005	CCQ2331A			0,0			
15	2123110527	Nguyễn Ngọc Thiện	22/04/2005	CCQ2311L			1,8			
16	2123310048	Trần Lê Lam Thư	08/03/2004	CCQ2331B			1,0			
17	2123310040	Nguyễn Nhật Tiến	01/03/2004	CCQ2331B			5,7			
18	2123310043	Trương Văn Tiến	30/03/2005	CCQ2331B			0,0			
19	2123310037	Hồ Ngọc Trí	11/07/2005	CCQ2331B			0,0			
20	2120170558	Nguyễn Thanh Trung	26/12/2002	CCQ2017P	174	Trung	7,4	6,1	6,6	
21	2121150064	Nguyễn Đình Tú	09/09/2002	CCQ2115B	251	Tu	6,0	7,7	7,0	
22	2122030063	Thái Quốc Tuấn	17/11/2004	CCQ2203G	174	Tuấn	7,0	4,5	5,5	
23	2123170629	Trần Minh Tuấn	11/01/2005	CCQ2317R			0,0			
24	2122110225	Trương Minh Tuấn	09/07/2004	CCQ2211F			0,0			
25	2123310018	Nguyễn Văn Vinh	07/07/2001	CCQ2331A			0,0			
26	2123310036	Bùi Nguyễn Tấn Vũ	04/09/2005	CCQ2331A			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn cơ bản (22410302)

Ngày thi: 05/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110130	Vũ Tuấn Phú	16/12/2004	CCQ2211D	174		6,5	5,2	5,7	
2	2122110312	Mai Vũ Quốc	19/06/2003	CCQ2211H	251		9,0	7,6	8,2	
3	2122170078	Bùi Trường Sinh	06/10/2004	CCQ2203H	320		7,1	7,0	7,0	
4	2123140119	Đinh Văn Sơn	14/10/2002	CCQ2314C			0,0			
5	2122030102	Nguyễn Quốc Thắng	19/04/2004	CCQ2203G	174		8,3	3,8	5,6	
6	2122110546	Nguyễn Đỗ Ngân Thanh	11/11/2004	CCQ2211M			0,0			
7	2122170703	Trần Hoài Thanh	25/01/2003	CCQ2217R			3,6			
8	2120110258	Trương Ngọc Thanh	28/02/2002	CCQ2011H	492		5,5	7,4	6,6	
9	2121170301	Trần Văn Thật	29/10/2003	CCQ2117I			0,0			
10	2122110455	Nguyễn Văn Thiện	02/08/2004	CCQ2211K			0,0			
11	2122200061	Lê Thị Minh Thư	06/09/2004	CCQ2220B	320		8,4	2,9	5,1	
12	2123170658	Nguyễn Toàn	15/03/2005	CCQ2317B	492		6,5	7,9	7,3	
13	2122210050	Nguyễn Thị Thùy Trang	25/08/2003	CCQ2221B	174		8,5	3,7	5,6	
14	2121120647	Trần Văn Tráng	11/09/2001	CCQ2112I	251		6,2	6,4	6,3	
15	2122120386	Võ Thị Tú Trinh	13/01/2004	CCQ2212L	320		8,0	6,0	6,8	
16	2122120265	Trần Thị Thanh Trúc	14/06/2004	CCQ2212H	492		8,7	5,6	6,8	
17	2123140117	Phan Thành Trung	05/09/2005	CCQ2314C	174		7,6	5,7	6,5	
18	2123040075	Trần Văn Tuấn	19/09/2004	CCQ2304B			0,0			
19	2120170175	Đặng Quang Vinh	20/08/2001	CCQ2017E	492		6,0	3,2	4,3	
20	2123040070	Lộ Phú Vinh	29/11/2005	CCQ2304B			0,0			
21	2120170706	Nguyễn Đình Vũ	16/09/2002	CCQ2017J	174		5,0	5,2	5,1	
22	2123140121	Nguyễn Thanh Vũ	07/02/2002	CCQ2314C			0,0			
23	2122200085	Lê Thanh Vương	11/01/2003	CCQ2220C	320		8,4	3,1	5,2	
24	2122120314	Nguyễn Thị Thanh Xuân	17/12/2003	CCQ2212J	492		8,6	7,1	7,7	
25	2122120345	Nguyễn Quỳnh Yên	18/05/2004	CCQ2212K	174		7,3	7,4	7,4	